

## PHỐ CẢNG THANH HÀ-BAO VINH TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ PHÚ XUÂN-HUẾ THẾ KỶ XVII-XIX

(Thanh Hà - Bao Vinh, the port town in the process of  
Phu Xuan - Hue's history in the 17<sup>th</sup>- 19<sup>th</sup> centuries)<sup>(\*)</sup>

### 1. Bối cảnh lịch sử

Việt Nam vào thế kỷ XVII-XVIII là thời kỳ chiến tranh Trịnh-Nguyễn và chia cắt đất nước Đàng Trong-Đàng Ngoài. Đây là thời kỳ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong tập trung mọi nỗ lực để khẳng định mình như một vương quốc độc lập, nhằm chống chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, mở mang lãnh thổ, phát triển kinh tế - đô thị, mở rộng quan hệ quốc tế, giao lưu văn hóa, thu dụng nhân tài. Phố cảng Thanh Hà ra đời và phát triển trong bối cảnh thịnh vượng đó của đất Đàng Trong.

Dưới thời Tây Sơn, đất nước với nhiều biến động và chiến tranh, áp lực ngoại xâm dồn dập và nghiêm trọng nên hoạt động ngoại thương và sinh hoạt đô thị không còn sôi động như trước, mặc dù chính quyền Tây Sơn vẫn dành ưu ái cho thương nhân nước ngoài ra vào buôn bán ở các cảng khẩu Đà Nẵng, Quy Nhơn, Thanh Hà.

Dưới triều Nguyễn, mặc dù đất nước được thống nhất, nhưng các vua nhà Nguyễn quá dè dặt trong quan hệ với các nước phương Tây nên ngày càng tạo ra đồ kỵ và ngăn cách. Từ thời Minh Mạng, triều đình chỉ cho mở cửa biển Đà Nẵng để giao thương với thế giới phương Tây, chính sách trọng nông ức thương được áp dụng nên tình hình ngoại thương ngày càng sa sút, đô thị tiến triển chậm vật, trừ một số phố xá do nhà nước chủ động đầu tư như Đông Ba, Đông Hội nằm ở phía đông Kinh thành Huế.

<sup>(\*)</sup> PGS.TS. Đỗ Bang, Trưởng Bộ môn Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế (Head, Vietnamese History Department, Faculty of History, Hue University of Sciences).

## 2. Phố cảng Thanh Hà trong các thế kỷ XVII-XVIII

### *Dưới thời các chúa Nguyễn (1636-1774)*

Sự ra đời và phát triển của phố cảng Thanh Hà đồng thời với sự phát triển kinh tế hàng hóa và chế độ cát cứ ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn.

Năm 1636, ngay lúc mới chuyển dinh vào Kim Long chúa Nguyễn Phúc Lan đã cho phép thành lập phố Thanh Hà. Sự kiện quan trọng đánh dấu sự ra đời của đô thị Huế này được xác nhận trong một văn bản còn lưu tại địa phương: “*Chúa Thượng vương sau khi dời phủ về Kim Long bèn cho phép tiền hiền chúng ta kiến thiết khu chợ nơi giáp giới hai xã Thanh Hà và Địa Linh*”.<sup>1</sup>

Trong hồ sơ lưu trữ của làng Minh Hương cho biết vào năm Thịnh Đức thứ 6 (1658), chúa Nguyễn Phúc Tần “*thi ân cho lập phố tại đất đồn thổ thuộc làng Thanh Hà và Địa Linh là 1 mẫu 2 sào 5 thước 4 tấc*”.<sup>2</sup>

Trong sổ bộ vào năm Cảnh Trị 7 (1669), đất của phố Thanh Hà là 7 mẫu 5 sào 8 thước 2 tấc, trong đó đất thuộc làng Thanh Hà là 6 mẫu 3 sào 3 thước, số còn lại 1 mẫu 2 sào 5 thước 2 tấc là đất của làng Địa Linh. Về sau, Hoa kiều mua đất dọc bờ sông của làng Địa Linh thêm 4 mẫu 1 sào 3 thước để lập phố buôn bán.<sup>3</sup> Đó chính là không gian đô thị của phố Thanh Hà vào thời thịnh vượng.

Vào khoảng thời gian này, Giáo sĩ Alexandre de Rhodes trú ngụ ở Thanh Hà, ông cho đó đã là một thành phố, tuy không lớn bằng dinh phủ Kim Long mà ông cho là thành phố lớn; Ông viết: “*Tôi không dám ở thành phố lớn. Tôi thuê nhà tại thành phố nhỏ gần đó sau cơn hỏa tai xảy ra lớn nhất ở đây*”.<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Theo đơn thỉnh nguyện của dân làng năm Bảo Thái thứ 7 (1716).

<sup>2</sup> Kế ước mua đất của làng Minh Hương được duyệt lại năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753).

<sup>3</sup> Trần Kinh Hòa, “Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên”, Tập san *Đại học*, Viện Đại học Huế, số 3, tháng 7 /1961, tr. 102.

<sup>4</sup> Dẫn và chú thích theo Linh mục Nguyễn Văn Ngọc, bài “Hình ảnh con người Quảng Trị qua sử liệu của các giáo sĩ ngoại quốc”, Tạp chí *Cửa Việt* số 15 (1992), tr. 84.

Trong thời kỳ thịnh đạt, phố Thanh Hà phần lớn nằm trong tay Hoa thương nên gọi là “*Đại Minh khách phố*.”

Năm 1685, Hoa thương xây dựng Thiên Hậu Cung (còn gọi là Chùa Bà) ngay trên điểm cư trú buôn bán đầu tiên của mình để làm nơi tế tự chung cho Hoa kiều và cũng là mốc giới phía bắc của phố Thanh Hà. Thương khách mua đất của làng Địa Linh để lập phố và xây dựng đền thờ Quan Thánh (còn gọi là Chùa Ông) ở vị trí tận cùng phía nam của phố để làm đền thờ chung.<sup>5</sup> Thiên Hậu Cung và đền Quan Thánh là dấu vết lâu đời của phố Thanh Hà trong thời kỳ phát triển và cũng là mốc giới có ý nghĩa lịch sử để chúng ta xác định không gian đô thị của phố Thanh Hà xưa.

Thanh Hà trong thế kỷ XVII, chỉ có dãy phố lợp tranh nằm về phía tây con đường làng Minh Thanh hiện nay, hướng chính quay mặt ra bờ sông. Sau khi chiếm được bãi đất bồi, Hoa thương dựng lên một dãy nhà đối diện quay lưng ra bờ sông, lấy con đường của làng Thanh Hà làm đường phố chính. Năm 1700, Hoa thương mới được phép xây phố bằng gạch và lợp ngói để tránh hỏa hoạn. Phố bao gồm những cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê dành cho thương khách ở xa, chủ yếu là thương nhân Trung Quốc mới đến, hoặc thương nhân giữa hai mùa mậu dịch trong thời áp đông (từ tháng 10 cuối năm đến tháng 3 năm sau). Từ đó, Thanh Hà mới thực sự đạt tiêu chuẩn là một khu phố có quy hoạch và kiến trúc đô thị.

Vào giữa thế kỷ XVIII, Pierre Poivre đến khảo sát tình hình buôn bán ở Thanh Hà, có nhận xét: “*Vào mùa mưa, các đường phố chật hẹp, lầy lội, chỉ có phố hay khu Trung Hoa có một lối đi rộng và lát gạch. Dọc hai bên đường người ta dựng lên những nhà gạch lợp ngói khá sung túc*”.<sup>6</sup>

<sup>5</sup> Chùa Ông bây giờ thuộc chủ quản của dân làng Địa Linh do thắng lợi của vụ kiện đất dưới thời Tây Sơn năm 1787. Trong Chùa Ông có tượng Quan Thánh rất lớn, có nhiều bức hoành do các hội quán của người Hoa cúng là Quảng Triệu, Triều Châu, Hải Nam. Trước sân có lư gang lớn đúc tại lò Long Thạnh (Trung Quốc) vào năm Càn Long thứ 45 (1780) cúng cho đền cùng thời điểm chiếc long đình do Hoa thương cúng cho Chùa Bà.

<sup>6</sup> Coordiere. H, “Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine, description de la Cochinchine”, REO, T.III, 1887.

Đầu thế kỷ XX, Morineau đến khảo sát Thanh Hà, căn cứ trên dấu tích còn lại, tác giả đã khôi phục khu phố như sau: “*Những làng của người Hoa lai Việt, một số sắp thành hàng trên bờ sông, đó là những túp lều tranh dựng trên những bộ cọc nhà sàn. Một số khác là cửa hàng giàu có xây gạch và lợp ngói chiếm phía bắc con đường mòn hoặc đường phố thành một dãy phố chạy dài đến tận các đồng lúa. Đất phố mà trên đó gồm các công trình kiến trúc xây dựng rộng rãi từ đền thờ Quan Công dựng lên khi làng Minh Hương mới thành lập đến tận đường mòn Thanh Hà, nơi vị trí bây giờ ở cầu một nhíp. Đó các dòng chảy đổ vào các ruộng lúa trên con đường mòn cũ*”<sup>7</sup>.

Phố Thanh Hà xây dựng theo lối đơn tuyến trên một trục giao thông có sẵn được lát gạch làm đường phố chính. Hai dãy phố đối diện lợp ngói, tường xây dần dần được hình thành; phía sau là đồng ruộng, trước mặt là bến cảng của sông Hương, nằm trên phần đất của hai làng Thanh Hà và Địa Linh.<sup>8</sup>

Thanh Hà trở thành một thương cảng lớn dưới thời các chúa Nguyễn, là cửa ngõ giao thương hàng đầu thời thịnh trị của dinh phủ Kim Long- Phú Xuân. Thanh Hà là địa chỉ thương mại hấp dẫn thương khách nhiều nước trước hết là thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản của châu Á, của các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp...

Phố Thanh Hà ra đời và hoạt động thương mại trong những lợi thế về giao thông đường thủy nối liền nam- bắc đất nước với đường hàng hải của thế giới; với nền sản xuất hàng hóa của địa phương và của xứ Đàng Trong. Đó là thuận lợi trong yếu tố kinh tế thị trường thế giới và chính sách mở cửa, phát triển thương nghiệp của chúa Nguyễn.

<sup>7</sup> Morineau R., “Souvenir historiques en aval de Bao Vinh, phố Lờ Minh Hương et les maisons de Vannier et de Forsans”, *BAVH*, 1920, tr. 254.

<sup>8</sup> Tại vườn nhà ông Huỳnh Quỳnh có một giếng cổ hình vuông, là chứng tích của khu chợ Thanh Hà. Trước đây gia đình ông đãi đất tìm được vàng, đó là dấu vết của phố thợ bạc. Ở xung quanh khu vực này khi sản xuất nhân dân gặp nhiều mảnh gốm vỡ, gạch ngói vỡ vữa, đó là dấu tích của khu phố cổ ngày xưa (Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hoá-Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr. 101.

Thuận Hóa và Đàng Trong có nhiều đặc sản quý hiếm được thương nhân nhiều nước ưa chuộng như hồ tiêu, cau, trầm hương, yến sào, đường... Thanh Hà là cửa ngõ thông thương với nước ngoài, nơi nhà nước độc quyền mua bán xuất nhập khẩu. Ở đây cũng có nhiều mặt hàng thủ công như gốm, dệt, đúc đồng. Một thị trường mua bán vũ khí nóng bỏng của thế giới diễn ra ở Thanh Hà khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn đạt đến đỉnh điểm của sự khốc liệt (1627-1672), tiếp đó là các nguyên liệu, các mặt hàng cao cấp phục vụ cho cung đình và quan lại ở dinh phủ của chúa. Đây cũng là thời kỳ xuất hiện các cường quốc hàng hải và thương mại quốc tế như Hà Lan, Anh, Pháp... Và đặc biệt là Hoa thương ào ạt nhập cư vào Đàng Trong khi mà người Mãn Châu chiếm Trung Quốc lập ra triều đại Mãn Thanh kỳ thị và đàn áp người Hán đã gây một làn sóng di dân đến các nước lân cận. Trong vô số những nạn nhân này có nhiều người đã qua Thanh Hà cư trú, lập phố buôn bán. Kể từ năm 1685, nhà Thanh lại cho phép các thuyền buôn Trung Quốc xuất bến ra các nước láng giềng buôn bán. Do đó, cảnh bán buôn trên phố cảng Thanh Hà diễn ra càng tấp nập hơn, Thiên Hậu Cung và các kiến trúc công cộng khác được xây dựng nhiều hơn.

Hàng năm nhà nước trưng dụng hàng trăm chiếc thuyền chở gạo từ Đồng Nai, Gia Định ra cung cấp cho dinh phủ Phú Xuân và bán cho nhân dân Thuận Hoá.

Ở đây còn phổ biến câu ca:

*Hết gạo thì có Đồng Nai,  
Hết củi thì có Tân Sài chở vó.*<sup>9</sup>

Hội An có nhiều mặt hàng dân dụng của phương Tây được Hoa thương mang ra bán ở Thanh Hà. Lê Quý Đôn có ghi lại: “*Phố Hội An xứ Quảng Nam, tàu Tây thường đem nôi đồng, mâm đồng đến bán hàng vạn chiếc. Người Tàu buôn về phố Thanh Hà luôn bán thường lãi gấp đôi*”.<sup>10</sup>

Trong thời kỳ đất nước bị chia cắt nhưng Lê Quý Đôn cũng cho biết thương nhân Thanh Nghệ, Sơn Nam đã vận chuyển hàng

<sup>9</sup> Đồng Nai nay là các tỉnh ở miền Đông Nam Bộ, Tân Sài nay là Quảng Trị.

<sup>10</sup> Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học, HN, 1964, tr.358.

hóa bằng đường thủy vào Thanh Hà để trao đổi. Hàng hóa từ Thanh Hoá, Ai Lao cũng đưa bằng đường bộ vào chợ phiên Cam Lộ và được thương nhân vận chuyên vào bán ở Thanh Hà.

Từ thực tế đó, bác sĩ người Đức tên Jean Koffler làm ngự y cho chúa Nguyễn Phúc Khoát đã có nhận xét: *“Những sự trao đổi giữa các tỉnh miền Bắc và miền Nam lại làm cho thương mại tăng thêm phần quan trọng. Hàng hóa dồn theo đường bộ và đường biển đến kinh đô rồi được mang đi bán và từ đấy người ta lại mang nhiều thứ khác nữa”*.<sup>11</sup>

Hàng nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng cung cấp cho nhà nước gồm kim loại như đồ đồng, kẽm, hợp kim do thương khách từ Nhật Bản, Trung Quốc chở đến. Chỉ trong vòng hai năm mà thuyền Ma Cao chở đến Thanh Hà 15 vạn cân hợp kim pha kẽm để đúc tiền. Đồng đỏ Nhật Bản loại tốt theo giá 100 cân là 45 quan. Các tàu Thượng Hải, Phúc Kiến, Quảng Đông chở đồng đỏ sang cũng phải khai báo để theo giá mà mua. Sau khi nhà nước mua xong mới cho tàu bán ra ngoài.<sup>12</sup> Vũ khí mua của Bồ Đào Nha, Hà Lan, Nhật Bản để sử dụng trong chiến tranh với họ Trịnh. Chúa Nguyễn Phúc Tần có lần nhờ Giáo sĩ Marque nhận 1000 nén bạc sang Ma Cao để mua vũ khí. Đầu năm 1659, tàu Ma Cao chở súng đạn đến: Chúa mừng quá, vội vã cùng với đạo binh đến bến tàu (Thanh Hà), chúa ra lệnh cho bắn 3 phát súng đón chào, rồi chúa không ngớt sờ mó, vuốt ve những khẩu đại bác một cách đặc chí như thể chúa Nguyễn đã tiêu diệt đạo binh của chúa Trịnh ra tro ròi.<sup>13</sup>

Pierre Poivre còn cho biết người Hà Lan và các tàu phương Tây khác mang nhiều thứ ngọc quý đến bán ở Thanh Hà, người Anh mang các mặt hàng len, dạ đến bán. Người Trung Quốc mang các mặt hàng cao cấp như lụa, gấm, vóc, len, dạ, đồ sứ, đồ sành, đồ gốm, giấy, tranh, tre, chè... các dược liệu như sa hoàng, mộc hương, hoàng liên, nhân sâm.

<sup>11</sup> Koffler J., *Description historique de la Cochinchine*, Bản dịch tiếng Pháp của Barbier, RI, tr. 585.

<sup>12</sup> Lê Quý Đôn, *Sđd*, tr. 242,241.

<sup>13</sup> Chapouille H., *Aux origines d'une e'glise*, T.I, Paris, tr. 173.

Cảnh buôn bán nhộn nhịp ở phố cảng Thanh Hà vào giữa thế kỷ XVIII cũng được Jean Koffler ghi nhận: Hàng năm có khoảng 80 chiếc thuyền Hoa thương từ các tỉnh đến đó, chắc chắn chứng tỏ rằng ở đây có nền kinh doanh phồn thịnh.<sup>14</sup>

Về hàng hóa xuất khẩu, Lê Quý Đôn cho biết: các kho của phủ chúa luôn chứa đựng các mặt hàng quý hiếm của Đàng Trong để xuất khẩu qua cảng Thanh Hà như: vàng, trầm hương, yên sào, ngà voi, đồi mồi, đường phèn, đường cát, đậu xanh, nước mắm, muối, vải trắng, chiếu, giấy, sừng tê, ngà voi, gỗ mun, lá buôn, chuông đồng...<sup>15</sup> đặc biệt là đặc sản hồ tiêu ở huyện Minh Linh (Quảng Trị):

*“Cứ hàng năm vào thượng tuần tháng 5 thì sai đội trưởng thuyền Tân Nhất cùng tinh binh ra địa phương hạ lệnh cho tùy vườn nhiều vườn ít mà chia bao, họp số định giá mua lấy, một gánh hồ tiêu chỉ trả 5 quan tiền chở về phố Thanh Hà bán cho khách Tàu, không cho dân địa phương bán riêng. Ngoài ra dân địa phương có lệ cống hồ tiêu trắng và đen mỗi thứ một bao (bao = 62,5 kg)”*.<sup>16</sup>

#### **Dưới thời Lê-Trịnh và Tây Sơn (1775-1801)**

Dưới thời quân Trịnh chiếm đóng (1775-1786), Phú Xuân không còn là đô thành, Thanh Hà không còn đóng vai trò trung tâm thương mại của xứ Đàng Trong nên tình hình buôn bán ở đây bị suy sút, mọi hoạt động kinh tế gặp khó khăn, các vụ tranh chấp tại địa phương không được giải quyết. Thanh Hà trở nên ảm đạm.

Dưới thời Tây Sơn (1786-1801), Phú Xuân là trung tâm lãnh đạo của phong trào, là kinh đô sau khi đất nước xóa bỏ chia cắt Đàng Trong- Đàng Ngoài. Những lợi thế đó cùng với chính sách mở rộng ngoại thương của vua Quang Trung với nhà Thanh và phương Tây (Bồ Đào Nha, Anh) đúng ra Thanh Hà được phục hồi và phát triển ở một tầm cao mới. Nhưng do biến động tự nhiên làm xuất hiện cồn nổi ở giữa sông Hương đoạn ngang qua bên cảng Thanh Hà nên tàu thuyền khó cập bến; thuyền buôn đến Phú Xuân phân tán qua nhiều bến cảng, Thanh Hà khách thương thưa dần.

<sup>14</sup> Koffler J., Sđd, tr. 585.

<sup>15</sup> Lê Quý Đôn, Sđd, tr. 258.

<sup>16</sup> Lê Quý Đôn, Sđd, tr. 354.



Tài liệu địa phương cho biết, khi phố Thanh Hà mở rộng (1658) đã được chúa Nguyễn Phúc Tần cấp đất của làng Địa Linh để lập đền Quan Công (Chùa Ông); nên vào năm 1787, dưới thời Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ dân làng Địa Linh đã làm đơn kiện đòi lại đất. Nhà đương cục đã giải quyết trả đất lại cho dân làng Địa Linh.<sup>17</sup> Kết quả vụ thưa kiện đã được giải quyết đúng đắn và công minh, nhưng cũng đánh dấu đây là thời suy yếu của thế lực thương nhân người Hoa ở phố Thanh Hà.

Về cơ chế quản lý, dưới thời Tây Sơn, Thanh Hà có chức phố trưởng đứng đầu là do viên Thông sự kiêm nhiệm để giám sát việc buôn bán, chức Hương trưởng làng Minh Hương do quan Cai bộ tâu kiêm quản lý hành chính và dân cư. Hoa kiều không chịu sự quản lý của chính quyền cấp tổng, huyện.

Thương nhân người Hoa ở Thanh Hà được hưởng nhiều đặc ân của nhà nước Tây Sơn như miễn đóng thuế thân, miễn đi lính, miễn thuế chợ và được thu thuế chợ. Họ được tham gia vào các chức vụ của nhà nước, tham gia tổ chức các cuộc yến tiệc lớn của triều đình, viết câu đối, trang hoàng trong những ngày lễ hội.

Để đáp lại những ân huệ của chính quyền, người Hoa ở Thanh Hà phải có nghĩa vụ với triều đình như cung đốn lễ vật, quá biếu các ngày Tết Nguyên đán, Tết Đoan ngọ, ngày sinh nhật của nhà vua, ngày kỵ giỗ của hoàng gia. Quà là những sản vật đắt tiền như bạc nén, ngọc, đồng, vải....<sup>18</sup>

Do hiện tượng cồn nổi xuất hiện ở sông Hương trước bến cảng Thanh Hà nên cuối thời Tây Sơn cư dân buôn bán ở phố Thanh Hà chuyển dần về phía chợ Dinh và Bao Vinh.

Theo khảo cứu của Giáo sư Đào Duy Anh, vào năm 1789 (Quang Trung năm thứ 2) dân nội tịch của làng Minh Hương là 792 người, nhưng đến năm 1795 (Cảnh Thịnh năm thứ 4) chỉ còn lại 50-60 người.<sup>19</sup>

<sup>17</sup> Đỗ Bang, Sđd, tr. 99.

<sup>18</sup> Đào Duy Anh, "Phố lữ première colonie chinoise du Thua Thien", *BAVH*, 1943, tr. 257.

<sup>19</sup> Đào Duy Anh, Sđd, tr. 262.



Tuy nhiên, về phương diện tổ chức hành chính, phố Thanh Hà dưới thời Tây Sơn (1786-1801) đã tách riêng thành một đơn vị hành chính độc lập với tên gọi “*Minh Hương xã Thanh Hà phố*”, không còn trực thuộc phố Hội An như dưới thời các chúa Nguyễn. Những Hoa kiều sinh sống lâu năm ở Thanh Hà cho vào sổ bộ Minh Hương xã còn những người Hoa mới đến, chính quyền Tây Sơn cho đăng vào sổ bộ phố Thanh Hà.<sup>20</sup>

Văn bia hội quán Phúc Kiến ở chợ Dinh lập năm 1807 (Gia Long năm thứ 6) do Bang trưởng Hứa Tấn Phát phụng dâng cho biết hội quán này được lập từ năm Giáp Dần (1794), tức vào năm Cảnh Thịch thứ 3.

Vào đầu triều Nguyễn do tình trạng chuyển cư của Hoa kiều Thanh Hà về Chợ Dinh càng nhiều nên đặt làm “*Thanh Hà- Chợ Dinh nhị phố Minh Hương xã*”.<sup>21</sup>

Phố cảng Thanh Hà với tư cách là trung tâm thương mại ở Phú Xuân đã bắt đầu phân tán, trong đó có sự tiếp nối của Bao Vinh.

### 3. Phố cảng Bao Vinh dưới thời Nguyễn (thế kỷ XIX)

Nếu sự xuất hiện của Cồn Bút giữa sông Hương trước bến cảng Thanh Hà là một tác nhân địa lý trực tiếp đánh quy khu thương mại sầm uất bên cạnh trung tâm chính trị Phú Xuân, thì Bao Vinh đón lấy cơ hội đó để hội tụ doanh nhân trở thành khu thương mại lớn của đất kinh kỳ vào thế kỷ XIX.

Bao Vinh có những yếu tố thuận lợi: cận thị, cận giang, cận lộ, cận kinh và cận Thanh Hà nên đảm bảo cho sự chuyển dịch và phát triển doanh thương. Trong đó ưu thế vẫn là cảng sâu tiện lợi cho tàu thuyền cập bến:

*“Bao Vinh cao bực, hãm bờ  
Ghe mành lui tới, mẹ nhờ duyên con”.*

Hoa thương mua đất mặt tiền của làng Bao Vinh và lập phố với hai dãy phố đối diện qua trục đường chính của khu phố mới.

<sup>20</sup> Đỗ Bang, Sđd, tr. 96.

<sup>21</sup> Đào Duy Anh, Sđd, tr.153.

Trước mặt là sông Hương và bến cảng, sau là khu dân cư của làng và đồng ruộng.

Khác với Thanh Hà, Chợ Dinh và các trung tâm thương mại khác của người Hoa ở Việt Nam, ở Bao Vinh không có cơ sở tín ngưỡng chung của Hoa thương. Phố Bao Vinh được giới hạn từ chùa làng phía bắc đến đình làng phía nam. Hoa thương mua đất của các dòng họ và tư nhân để lập phố, còn thực hiện tín ngưỡng thì đến Thanh Hà nơi có Chùa Bà, Chùa Ông, muốn sinh hoạt các bang hội thì về Chợ Dinh. Việc Hoa thương ở Bao Vinh phải sinh hoạt tín ngưỡng ở nơi khác thể hiện sức mạnh văn hóa của một làng Việt cổ truyền trong tiến trình đô thị hóa của thời phong kiến.

So sánh với các khu thương mại khác của Huế từ đầu thế kỷ XIX cho đến năm 1885, trước khi bị tàn phá bởi thất thủ kinh đô, như Chợ Dinh, Gia Hội, Đông Ba... thì hoạt động buôn bán ở Bao Vinh *có thịnh vượng hơn, phố ngói nhiều hơn, thương nhân giàu có hơn* (nhận xét của Thuyền trưởng Dutreil de Rhins năm 1876), nhưng kiến trúc và cảnh quan lại thiếu kang trang so với các nơi khác; bởi vì thiếu sự đầu tư xây dựng các đền, chùa, hội quán của Hoa thương. Thuyền trưởng D. Rhins vào thời điểm năm 1876 cũng cho biết: “*Khi thuyền đi qua trước mặt Thanh Hà mà ông không hề chú ý đến nó, đến khi đi qua cồn nổi Minh Hương ông mới chú ý đến cảnh nhộn nhịp ở Bao Vinh mà ông làm tưởng là Mang Cá*”.<sup>22</sup>

Như vậy, vào nửa sau thế kỷ XIX, Thanh Hà đã biến thành làng quê và Bao Vinh đã đủ diện mạo của một khu phố sầm uất nằm về phía đông-bắc của Kinh thành Huế.

Tư liệu thương mại về Bao Vinh để lại không nhiều nhưng qua bài khảo cứu *Bao Vinh - thương cảng Huế* của R. Morineau vào năm 1916 cho chúng ta hình dung cảnh phố cảng Bao Vinh qua 3 giai đoạn: Vào năm 1820 qua hồi ức của Đức Chaigneau,

<sup>22</sup> J. Morineau, “Bao Vinh, port commercial de Huế”, *BAVH*, T.II, 4 -5/1916, tr. 200-210, (*Bao Vinh-thương cảng Huế*), Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 208-219.

năm 1876 qua bút ký của Dutreil de Rhins - đây là thời kỳ thịnh vượng của Bao Vinh trước khi khu phố này bị tàn phá trong biến cố năm 1885 và năm 1916 qua cảm nhận của R. Morineau sau ba mươi năm khôi phục.<sup>23</sup>

Vào năm 1820, Đức Chaigeau cho biết về phố Bao Vinh như sau: “ Ở đây, người Tàu và người An Nam buôn bán lớn với các thứ hàng quý. Dân tại đây khá giả hơn các vùng phụ cận khác của Huế. Khi đi ngang qua ta có thể nhận thấy dễ dàng dân chúng giàu có, tuy ít ồn ào nhưng rất cẩn cù và chăm chỉ. Người Tàu có nhiều cửa hàng chứa đầy hàng hóa Trung Quốc”.<sup>24</sup>

Các mặt hàng xuất nhập khẩu ở Bao Vinh trong thời kỳ này cũng được ghi nhận như sau: “Thuyền bè vào cửa biển của Huế và lên đến Bao Vinh-đoạn đường khoảng 12 km-vì ở đây có cửa tiệm hoặc kho chứa của họ và họ không được phép đi xa hơn. Thuyền mang đến vải, lụa, sành sứ, trà, thuốc Bắc, trái cây, mít, bánh và đồ chơi trẻ em... và khi trở về thì dường như chở đầy các mặt hàng An Nam như cau, lụa thô, gỗ nhuộm, dầu bóng Bắc kỳ, da tê giác, da voi, ngà voi...”<sup>25</sup>.

Vào năm 1876, Dutreil de Rhins có mô tả về cảng và hàng hóa ở Bao Vinh như sau: “Đây là cảng trong đất liền của Huế. Nhiều thuyền An Nam và Tàu chen chặt trên con sông hẹp và sâu (sông rộng 150m, sâu 8m). Đứng có dựa vào cái nhìn bên ngoài đối với các loại thuyền này mà xét đoán các giá trị hàng hóa bên trong của nó. Dưới các lớp chiếu và lớp lá dầy các khoang thuyền và các hạng rẻ tiền là những cái bành lụa, tiêu, ngà voi, đường, quế, đậu khấu, sa nhân Chàm, thuốc lá, trà, thuốc phiện lậu, vải, đồ sành, các thứ mỹ nghệ bằng ngà voi, bằng bạc, bằng đồng đen, vũ khí, bàn ghế gỗ được chạm trổ hoặc cẩn xa cừ”.<sup>26</sup>

<sup>23</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 209.

<sup>24</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 209.

<sup>25</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 210. Sau biến cố năm 1885, chợ Bao Vinh rực lửa, nhiều cửa hàng và nhà kho lớn bị biến mất, ngôi nhà của Phụ chính Đại thần Nguyễn Văn Tường chỉ còn lại các bức tường đổ nát, một mảnh vườn hoang vắng và vài cái nhà tầm thường...

<sup>26</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 210.

Biến cố kinh thành năm 1885 đã làm cho khu thương mại Bao Vinh trở nên hoang tàn, dinh thự đổ nát, Morineau cho biết: “*Tất cả các nhà ở đẹp mắt và các nhà kho rộng lớn tư hữu của người Tàu và An Nam “cỡ bự” đều biến mất từ năm 1885, tức là thời kỳ mà phần lớn Bao Vinh bị tàn phá. Cái vườn hoa thanh tú của gia đình nguyên Phụ chính triều đình An Nam, tức đại thần Tường (Nguyễn Văn Tường) bây giờ chỉ còn lưu lại các bức tường đổ nát, một mảnh vườn hoang vắng và vài cái nhà tầm thường*”.<sup>27</sup>

Vào năm 1916, sau biến cố 1885 và chợ Đông Ba phát triển đã chuyển ra vị trí mới (1899) một thời gian khá lâu, nhưng hoạt động thương mại ở phố cảng Bao Vinh vẫn khá nhộn nhịp, được R. Morineau mô tả như sau: “*Bao Vinh không còn vàng son thuở trước, nhưng Bao Vinh vẫn là chợ quan trọng và đẹp nhất của vùng này, sau chợ Huế. Những người đi mua hàng, nếu như không muốn bị bóp chết trong các tiệm hào nhoáng của thành phố, thì có thể tìm thấy dễ dàng ở Bao Vinh các mặt hàng bán xứ, của Tàu, Nhật, Ấn Độ và các mặt hàng Âu. Người ta còn tìm thấy các mặt hàng thường dùng mà những tiệm bóng nhoáng của Huế không bày bán*”.<sup>28</sup>

Trên bến cảng Bao Vinh, R. Morineau còn cho biết: “*Chúng tôi thấy có các loại thuyền kiểu dáng hoàn toàn An Nam với thủy thủ đoàn Bắc Kỳ, hay An Nam (tức Trung Kỳ) tùy theo chủ thuyền là Nam Định, Phan Rí, Quy Nhơn hay Đà Nẵng. Thuyền của Nam Định chở đến các chuyên hàng đủ thứ: Tơ lụa Nam Định, bàn ghế chạm trổ hoặc càn xà cừ Bắc Kỳ, chiếu Phát Diệm rất đẹp, quế Thanh Hóa và các mặt hàng của Bắc Kỳ hay được nhập từ Trung Hoa và Nhật Bản. Từ Phan Rí, Quy Nhơn hay Đà Nẵng ra, thuyền chở theo muối, đồ gốm đủ cỡ, đủ loại và các thứ hàng để trao đổi, thông thương như gạo, đậu phộng, vừng, trái dứa, dây dứa, tiêu và thuốc lá.*

*Tất cả các thuyền ấy khi rời khỏi Bao Vinh đều chở đầy hàng hoá để đưa về Trung Hoa và Hồng Kông qua cảng Hải Phòng và Đà Nẵng. Nhất là các thứ gạo, ngô, sắn, khoai và lâm sản như mây, tre,*

<sup>27</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 212.

<sup>28</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 214-215.

*cán giáo, ván thuyền, trầm hương và các sản vật của miền Thượng được tập trung về Huế do người An Nam và Tàu; các thứ trái cây của các vườn giàu có ở Huế như cau, thanh trà, cam, quýt, và gần đây còn thêm sản phẩm của nhà máy vôi Long Thọ*".<sup>29</sup>

Sự thịnh vượng của Bao Vinh chủ yếu là nhờ cảng sông. Ở thời điểm R. Morineau ghi chép thì ở Huế đã xuất hiện đường sắt và trạm kiểm soát các thuyền buôn lớn được thực hiện ở Lại An về phía hạ lưu cách Bao Vinh chừng 2 km và đặc biệt là sự phồn vinh của chợ mới Đông Ba bên cạnh cầu Trường Tiền thuận lợi và thơ mộng, nhưng R. Morineau vẫn cho rằng: "*Nhưng dù sao Bao Vinh cũng là một kho chứa hàng hóa bằng đường thủy của những cửa hàng thương mại của Huế, một cái chợ nổi xuất nhập khẩu và hơn nữa là một trung tâm vui lạ đáng được khách du lịch chú ý đến*".<sup>30</sup>

Ông đã kết luận bài khảo cứu của mình bằng câu: "*Không tiêu diệt hẳn Bao Vinh: vì mất nó là mất một khu vực đẹp mắt của cố đô Huế*".

Không chỉ có Hoa thương, ở Bao Vinh các doanh thương người Việt cũng trỗi lên làm chủ thị trường. Họ có nguồn gốc và quê quán khác nhau nhưng đến Bao Vinh chỉ vì một mục đích kinh doanh. Trong số các doanh nhân mà gần một thế kỷ trước đây R. Morineau có đề cập nay vẫn được nhiều người dân Bao Vinh truyền tụng như Bộ Quế, Bá Rớt, Quản Lương, Quản Hội, Phủ Hoàng, Khoá Dem...Nhiều người trở thành các ông trùm không những trên lãnh vực doanh thương mà còn có nhiều nhà cửa, đất ruộng, thê thiếp. Điển hình là *Bá Rớt, ông sở hữu nhiều căn phố ở Bao Vinh và mua 47 mẫu ruộng ở làng La Chử*.<sup>31</sup>

Từ khi mở đất Đàng Trong với nhiều cửa khẩu xuất hiện ở vùng duyên hải hứa hẹn nhiều tiềm năng xây dựng của đất nước

<sup>29</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 208.

<sup>30</sup> J. Morineau, Sđd, tr. 219.

<sup>31</sup> Phan Gia Đức, 55 tuổi ở Bao Vinh, qua phỏng vấn của Trần Thiên Bình, trong luận văn tốt nghiệp cử nhân sử học, *Phố chợ Bao Vinh, quá trình thành lập và hoạt động kinh tế-xã hội dưới thời Nguyễn (1802-1945)*, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế, 1998 .

đang mở ra, các chúa Nguyễn đã hình thành một tư duy kinh tế hướng ngoại, một tư duy chính trị đổi mới cho phù hợp xu thế phát triển kinh tế hàng hóa và thị trường được tác động từ các nước phương Tây và luồng thương mại châu Á. Phố cảng Thanh Hà được ra đời trong bối cảnh lịch sử đó của thế giới và chính sách đổi mới kinh tế của chúa Nguyễn đứng trước sự cạnh tranh gay gắt với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Phần *thị* của Thanh Hà phát triển trong các thế kỷ XVII-XVIII tương xứng với phần *đô* của Kim Long- Phú Xuân, không những tạo nên sự hoàn chỉnh của bộ mặt đô thị Huế trong thời kỳ xác lập mà còn góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị, đối ngoại thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Do sự biến động của thiên nhiên, dưới thời Tây Sơn cảng Thanh Hà không còn là nơi lý tưởng cho tàu thuyền cập bến, phố Thanh Hà từ đó cũng suy tàn dần. Nhưng phần *thị* ở Huế lại được tiếp nối để cho ra đời các phố cảng mới trong đó tiêu biểu nhất là Bao Vinh. Bao Vinh sầm uất đóng vai trung chuyển hàng hóa của Kinh đô Huế dưới triều Nguyễn trong thế kỷ XIX.

Ngày nay Thanh Hà không còn dáng dấp của một trung tâm thương mại xưa, chỉ còn lại một làng nông nghiệp mang tên Minh Thanh (ghép hai làng Minh Hương-Thanh Hà, ra đời vào năm 1962) và hai cơ sở tín ngưỡng là Chùa Bà và Chùa Ông. Ở Bao Vinh chỉ còn 3 ngôi nhà phố tương đối nguyên vẹn, nhưng phải cần cứu vãn. Đó là hình ảnh sót lại từ một di sản lịch sử khổng lồ đã làm nên vóc dáng của đô thị Huế và nền kinh tế thương mại của đất nước kéo dài trên 3 thế kỷ (1636-1945).